

Số: **111/2020/QĐST-DS**

T, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 292/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 4/6/28 TTN01, phường TT, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979

Địa chỉ: 400 đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 019626, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2019 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Đỗ Xuân N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 2061 B đường H1, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 2061 B đường H1, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1966;

Địa chỉ: 2061 B đường H1, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 400 đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 019625, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2019 tại Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Ông Đỗ T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 2061 B đường H1, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Đỗ D, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 2061 B đường H1, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Đỗ Thị H3 sinh năm 1955;

Địa chỉ: 53/9 đường C, Phường O, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Đỗ B1, sinh năm 1957 – Chết năm 2015;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Ba:

- Bà Đỗ Thị Phương D, sinh năm 1983;

- Bà Đỗ Thị Như Q, sinh năm 1984;

- Bà Đỗ Thị Tr, sinh năm 1988;
- Ông Đỗ Thế B2, sinh năm 1989;
- Ông Đỗ Thế T2, sinh năm 1999;
- Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1960;

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, bà Q, bà Tr, ông B1, ông T2: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: 144 đường G, phường T3, quận T4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nhà đất số 2061B đường H1, (nay là số 37/35 Bùi Thế Mỹ), phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc 2468/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 26/7/2004 và theo Bản vẽ hiện trạng ngày 14/10/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T duyệt ngày 15/10/2019 là di sản thừa kế do bà Lê Thị D1 (chết ngày 24/10/2012) để lại, bà D1 chết không để lại di chúc.

- Các đồng thừa kế của bà Lê Thị Dế gồm: Chồng bà D1 là ông Đỗ Kh (ông Đỗ Kh chết trước bà D1), bà Đỗ Thị H, ông Đỗ T1, Bà Đỗ Thị Kim P, bà Đỗ Thị H, ông Đỗ D (Đỗ Xuân T), bà Đỗ Thị T1, ông Đỗ Xuân N và ông Đỗ B1 – chết năm 2015 – các đồng kế thừa của ông Đỗ Ba gồm các ông bà Đỗ Thị Phương D, Đỗ Thị Như Q, Đỗ Thị Tr, Đỗ Thế B1, Đỗ Thế T2 và Lê Thị Ngọc Đ.

- Giá trị nhà đất số 2061B đường B (nay là số 37/35 Bùi Thế Mỹ), phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số Hồ sơ gốc 2468/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 26/7/2004 và theo Bản vẽ hiện trạng ngày 14/10/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T duyệt ngày 15/10/2019 là 1.984.000.000 đồng. Ông Đỗ Xuân N đồng ý thôi tiền lại cho các đồng thừa kế còn lại để được trọn quyền sở hữu căn nhà 2061B Hồng Lạc (nay là số 37/35 Bùi Thế Mỹ), phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho bà Đỗ Kim P số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho bà Đỗ Thị H1 số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho bà Đỗ Thị T1 số tiền 176.000.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho ông Đỗ T2 số tiền 176.000.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho các đồng thừa kế của ông Đỗ B gồm các ông bà Đỗ Thị Phương D, Đỗ Thị Như Q, Đỗ Thị Tr, Đỗ Thế B1, Đỗ Thế T2 và Lê Thị Ngọc Đ số tiền 320.000.000 (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

- + Ngày 18/5/2020, ông N trả cho ông Đỗ D1 (Đỗ Xuân 1 số tiền 176.000.000 (Một trăm bảy mươi sáu triệu) đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Đỗ Xuân N được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục hợp thức hóa sang tên căn nhà số 2061B Hồng Lạc (nay là số 37/35 Bùi Thế Mỹ), phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông N sau khi đã thực hiện xong việc thanh toán toàn bộ số tiền cho các đồng thừa kế như đã nêu trên.

- Án phí dân sự sơ thẩm :

+ Bà Đỗ Kim P phải chịu án phí là 8.000.000 (Tám triệu) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0038551 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, bà P phải nộp thêm số tiền là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

+ Bà Đỗ Kim H1 phải chịu án phí là 8.000.000 (Tám triệu) đồng

+ Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí là 8.000.000 (Tám triệu) đồng

+ Bà Đỗ Thị T phải chịu án phí là 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng

+ Ông Đỗ T phải chịu án phí là 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ông Đỗ D (Đỗ Xuân T) phải chịu án phí là 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Ông Đỗ Xuân N phải chịu án phí là 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

+ Các ông, bà Đỗ Thị Phương D, Đỗ Thị Như Q, Đỗ Thị Tr, Đỗ Thế B1, Đỗ Thế T2 và Lê Thị Ngọc Đ1 cùng phải chịu án phí là 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. T;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc